TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 182/2026/HSST; Ngày 08 /07/ 2026;	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Bùi Đăng Lý;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Uyến, Thư ký, Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công vụ án hình sự thụ lý số: 180/2026/TLST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình V, sinh ngày 26/5/1982 tại xã T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn V, xã T, thành phố Hà Nội; CCCD số 001082023499, cấp ngày 21/02/2024, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1957, con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; Vợ là Phùng Thị K, sinh năm 1991, con: 02 con lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền sự: Không, tiền án: Có 01 tiền án:

+ Ngày 17/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 06/02/2024 (chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

+ Ngày 07/8/1999, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 26/5/2000 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 23/3/2001, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 18/9/2001 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 12/8/2003, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 12/8/2003 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 11/12/2006, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 11/12/2006 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 27/11/2008, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 27/11/2008 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 25/4/2014, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 24/4/2014 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 16/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Hà Nội xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H. Số giam 5894/6. D chỉ bản số 6104 do Công an thành phố H lập 24/10/2025. Có mặt.

2. Lê Văn T1, sinh ngày 28/6/1981 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số B B, phường B, thành phố Hà Nội; CCCD số 001081016900, cấp ngày 01/9/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn L (đã chết), con bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; Vợ: Vũ Thị T2, sinh năm 1979, con: 01 con sinh năm 2012; Tiền án: Không; tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 30/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt và nộp án phí ngày 22/9/2016 (đã được xóa án tích).

+ Ngày 31/10/2022, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 12/5/2023 và nộp án phí ngày 26/12/2022 (đã được xóa án tích).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H. Số giam 5893/21. D chỉ bản số 6102 do Công an thành phố H lập 24/10/2025. Có mặt.

3. Nguyễn Minh P, sinh ngày 08/6/1981 tại xã T, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn C, xã T, thành phố Hà Nội; CCCD số 001081047851, cấp ngày 06/8/2025, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

không; Con ông Nguyễn Đăng Đ (đã chết), con bà Lê Thị N, sinh năm 1944; Vợ: Đặng Thị H1, sinh năm 1982, con: 03 con lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: 01 tiền án:

+ Ngày 13/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 20/7/2023 (chưa được xóa án tích).

Nhân thân:

+ Ngày 20/12/2011, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22 tháng 16 ngày về tội Cưỡng đoạt tài sản. Nộp án phí ngày 09/8/2017 (đã được xóa án tích).

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 Công an thành phố H. Số giam 5892/5. D chỉ bản số 6103 do Công an thành phố H lập 24/10/2025. Có mặt.

4. Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 02/10/2000 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Ngõ A A, phường T, thành phố Hà Nội; CCCD số 001300034965, cấp ngày 06/12/2023, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn V1 (đã chết), con bà Bùi Thị T3, sinh năm 1972; Chồng: Trần Quang V2, sinh năm 1997 (đã ly hôn), con: 02 con lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H, số giam E. D chỉ bản số 6101, do Công an thành phố H lập ngày 24/10/2025. Có mặt;

5. Nguyễn Thị L1, sinh ngày 19/01/2001 tại thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Thôn L, xã K, thành phố Hà Nội; CCCD số 025301000206, cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Phùng T4, sinh năm 1970; con bà Đỗ Thị T5, sinh năm 1968; Chồng: Kiều Văn T6, sinh năm 1993, con: 03 con lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H, số giam E. D chỉ bản số 6100, do Công an thành phố H lập ngày 24/10/2025. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 16/10/2025 và ngày 17/10/2025, Lê Văn T1; Nguyễn Đình V; Nguyễn Thị L1, Nguyễn Minh P và Nguyễn Thị Lan A đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 16/10/2025, Nguyễn Minh P, sinh năm 1981 trú tại thôn C xã T, thành phố Hà Nội mua 500.000 đồng ma túy loại Methamphetamine của một người nam giới tên là "Nguyên mèo" (không rõ là ai) ở khu vực xã P, Hà Nội. Sau khi mua được ma túy P gọi điện rủ Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000 trú tại A T phường T, thành phố Hà Nội (là bạn gái P) xuống khu vực xã P, thành phố Hà Nội để sử dụng ma túy, P nhắn tin cho Lan A cầm theo một cóng thủy tinh để sử dụng ma túy. Sau đó P và Lan A thuê phòng tại một nhà nghỉ (không rõ địa chỉ cụ thể) ở xã P, Hà Nội để sử dụng ma túy. Khi đến phòng của nhà nghỉ thì Lan A lấy ra cóng thủy tinh ra; P lấy 02 túi nilon đựng ma túy ra gồm ma túy đá và ma túy tổng hợp; Phương lắp dụng cụ sử dụng ma túy rồi dùng bật lửa nung nóng cóng để sử dụng ma túy, sau đó P hút hơi đầu tiên rồi Lan A hút hơi thứ hai, đến khi P nghe điện thoại thì Lan A là người châm lửa cho P và Lan A sử dụng ma túy; mỗi người hút được khoảng 6-7 hơi thì P bận đi về trước nên P bảo Lan A cầm cóng và cất số ma túy còn thừa để sử dụng sau, thì Lan A cất dấu số ma túy vào trong ốp điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung của Lan A.

Tiếp đó, khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/10/2025 tại nhà ở của Lê Văn T1, sinh năm 1981 ở thôn P, xã H, thành phố Hà Nội lúc này có T1 cùng Nguyễn Thị Hồng T7 sinh năm 2004 trú tại xóm V, xã Đ, tỉnh Nghệ An (là bạn gái T1) đang ở nhà T1.Tuyến chuẩn bị ma túy đá, cóng để sử dụng ma túy, T1 dùng máy lửa hơ vào cóng có chứa ma túy đá rồi hút qua ống hút một hơi, sau đó T1 có hơ cho Nguyễn Thị Hồng T7 sử dụng 5-6 hơi rồi sau đó T7 đi dọn nhà cửa còn Tuyến dọn đồ chơi ma túy. Đến khoảng 20 giờ ngày 16/10/2025 thì Nguyễn Đình V sinh năm 1982 trú tại thôn V xã T, thành phố Hà Nội đến nhà Lê Văn T1 ở thôn P, xã H, thành phố Hà Nội để tắm giặt, sau khi tắm giặt xong thì Nguyễn Đình V ra phòng khách uống nước, tại đây Vụ lấy bình sử dụng ma túy (do Lê Văn T1 làm trước đấy) để ở dưới bàn uống nước rồi đặt lên bàn uống nước. Lê Văn T1 và Nguyễn Đình V mỗi người hút được khoảng 01-02 hơi. Sau đó V đi đến quán K1 ơ thôn C, xã H, Hà Nội hát cùng Nguyễn Minh P. Đến khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/10/2025, Nguyễn Đình V rủ Nguyễn Minh P đến nhà Lê Văn T1 chơi. Khi đến nhà T1, V và P gặp T1 cùng Nguyễn Thị Hồng T7. Tại đây, T1 bỏ bộ tẩu hút tự tạo ra để sử dụng ma túy từ trước nên P, V, T7 cùng ngồi sử dụng ma tuý đá. Sau đó V gọi điện cho Nguyễn Thị L1, sinh năm 2001 trú tại L Đ xã K, thành phố Hà Nội (bạn gái Vụ) đến nhà T1 chơi thì đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 17/10/2025 L1 đến nhà T1. Quá trình sử dụng ma túy có ở trong cóng P có dùng máy lửa đốt giấy bạc cho L1, V, T7, P sử dụng ma túy đá.

Sau khi sử dụng ma túy tại nhà T1 xong thì Nguyễn Đình V rủ P, L1 ra nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội để tiếp tục sử dụng ma túy thì P, L1 đồng ý. Nguyễn Thị L1 nhắn tin rủ Nguyễn Lan A (là bạn gái P) sinh năm 2000 trú tại số A, T, phường T, thành phố Hà Nội đến nhà nghỉ H3 để cùng nhóm L1 sử dụng ma túy, Lan A đồng ý. Sau đó Lan A nhắn tin cho P biết về việc L1 rủ Lan A đi sử dụng ma túy thì P lấy điện thoại gửi vị trí cho Lan A và chuyển 500.000 đồng

tiền thuê xe taxi cho Lan A đến nhà nghỉ H4. Khoảng 03 giờ ngày 17/10/2025 Nguyễn Đình V, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Minh P đến nhà nghỉ H4 thuê phòng 201 cho V và L1 ở và thuê phòng 203 P và Lan A ở. Sau đó V và L1 vào phòng 201 còn P vào phòng 203. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 17/10/2025, Nguyễn Thị Lan A đến Phòng 203 gặp P hỏi P ma túy đâu thì P đưa cho Lan A 01 vỏ bao thuốc lá ba số bên trong có ma tuý Methamphetamine. Lan A cầm bao thuốc lá có đựng ma túy P đưa sang phòng 201 sử dụng cùng V và L1, khi Lan A mang ma tuý sang Phòng 201 thì V là người chế dụng cụ sử dụng ma tuý đá còn L1 nghiền ma tuý hồng phiến đổ cùng ma tuý đá lên một mẩu giấy bạc; L1 dùng bật lửa hơ nóng phía dưới đáy giấy bạc cho ma túy bay hơi rồi dùng ống hút một đầu kê sát giấy bạc, một đầu ngậm vào miệng để hút ma túy; V dùng bật lửa hơ nóng ma túy để cùng Lan A và L1 sử dụng ma túy. Sau khi Lan A, V, L1 sử dụng ma túy ở phòng 201 xong thì Lan A về phòng 203 nằm nghỉ cùng P, một lúc sau P bảo Lan A sang phòng 201 lấy ma túy và dụng cụ về sử dụng thì Lan A đi sang phòng 201, Vụ đưa cho Lan A ma túy, Lan A mang về phòng 203 để trên mặt bàn phòng nghỉ chưa kịp sử dụng lúc này khoảng 05 giờ 30 phút ngày 17/10/2025, Tổ công tác Công an H5, thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra Nhà nghỉ H3 tại thôn M xã H, thành phố Hà Nội phát hiện tại Phòng 201 có Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị L1, thu giữ trên mặt bàn: 01 mảnh giấy bạc có kích thước khoảng 15x2cm dính cặn cháy màu đen, 01 ống hút màu hồng dài khoảng 12cm và 02 bật lửa màu đỏ, 01 điện thoại nhãn hiếu Masstel và 01 điện thoại Xiaomi của Nguyễn Đình V; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị L1. Tại Phòng 203 có Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Minh P, thu giữ tại tủ kệ đầu giường: 01 bộ tẩu hút tự tạo, 01 túi nilon kích thước khoảng 2x3cm chứa 01 viên nén màu hồng, 01 ống hút nhựa màu tím dài khoảng 6,5cm chứa 02 viên nén màu hồng cùng tinh thể màu trắng, 01 gói nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng trong vỏ ốp điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị Lan A, 01 cóng thuỷ tinh trong túi xách của Nguyễn Thị Lan A, 01 điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị Lan A, 03 điện thoại Iphone của Nguyễn Minh P.

Ngày 17/10/2025, Công an xã H5, thành phố Hà Nội triệu tập Lê Văn T1 và Nguyễn Thị Hồng T7 về trụ sở làm việc Tuyến tự giao nộp 01 bộ tẩu hút tự tạo, 01 điện thoại Iphone của Lê Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 7268/KL- KTHS ngày 26/10/2025 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận.

- 01 mảnh giấy bạc và 01 ống hút bằng nhựa màu hồng đều có dính ma tuý loại Methamphetamine (thu trên mặt bàn tại phòng 201 nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội).

- 01 viên nén màu hồng bên trong 01 túi nilon màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,098 gam. (thu giữ tại mặt kệ gỗ đầu giường trong phòng 203 nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội.

- 01 ống hút nhựa màu tím (thu giữ tại mặt kệ gỗ đầu giường trong phòng 203 nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội) bên trong có:

+ 02 viên nén màu hồng đều là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,232 gam.

+ Tinh thể màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,383 gam.

-Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,212 gam (thu giữ trong ốp điện thoại của Nguyễn Thị Lan A)

- 01 cóng thuỷ tinh có dính ma tuý loại Methamphetamine (thu giữ tại phòng 203 nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội; do Nguyễn Thị Lan A mang đến).

- 01 bộ tẩu hút tự tạo có dính ma tuý loại Methamphetamine (thu trên mặt kệ gỗ đầu giường phòng 203 nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội)

Tại Bản kết luận giám định số: 2793/KL-KTHS ngày 28/3/2026 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận:

- 01 bộ tẩu hút tự tạo (ký hiệu A2 do Lê Văn T1 tự nguyện giao nộp) có dính ma tuý loại Methamphetamine.

Tại Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu ngày 18/10/2025 của Công an xã H5, thành phố Hà Nội kết quả Nguyễn Đình V dương tính với MET và AMP; Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu ngày 17/10/2025 của Công an xã H5, thành phố Hà Nội kết quả Lê Văn T1; Nguyễn Thị Linh dương tính với MET và AMP; Biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy trong nước tiểu ngày 17/10/2025 của Công an xã H5, thành phố Hà Nội kết quả Nguyễn Minh P; Nguyễn Thị Lan A; Nguyễn Thị Hồng T7 dương tính với MDMA, MET và AMP;

Đối với Nguyễn Thị Hồng T7 là người sử dụng trái phép chất ma tuý cùng với V, P, L1, T1. Bản thân T7 không tham gia bàn bạc, không đóng góp gì, không có hành vi gì giúp sức cho việc sử dụng ma túy, không rủ ai tham gia trong việc V, P, L1, T1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý. Do xét nghiệm chất ma tuý đối với T7 cho kết quả dương tính nên Cơ quan Công an đã đưa T7 đi cai nghiện tự nguyện.

Đối với Bùi Văn H2, chủ nhà nghỉ H3 chỉ biết các đối tượng thuê phòng để nghỉ, không biết việc các đối tượng sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với nguồn gốc số ma túy được các đối tượng dùng để tổ chức sử dụng ở nhà T1, T1, Vụ, P, L1 đều không ai thừa nhận là ma túy của mình, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng không xác định được ai là người đã chuẩn bị số ma túy trên để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với số ma túy các bị cáo tổ chức sử dụng tại nhà nghỉ H3 mặc dù Nguyễn Đình V không thừa nhận là người đưa cho Nguyễn Minh P nhưng qua các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được có đủ căn cứ xác định nguồn gốc số ma

túy mà P mang đến nhà nghỉ H3 để tổ chức sử dụng là do Nguyễn Định V3 đưa cho P ở nhà Lê Văn T1.

Về nguồn gốc số ma tuý Cơ quan Công an tạm giữ trong ốp điện thoại của Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P và Nguyễn Lan A khai mua ma tuý của một nam giới tên "Nguyên Mèo" vào trưa ngày 16/10/2025 tại khu vực P, Hà Nội. P không biết địa chỉ nhà "Nguyên Mèo" ở đâu, người này có đặc điểm khoảng 50 tuổi, cao khoảng 1,6 mét, dáng người gầy. P không nhận dạng được do mới gặp lần đầu. Do không xác định được nhân thân đối tượng bán ma tuý cho P nên Cơ quan Công an không làm rõ để xử lý được.

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về kết quả định giá và các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSKV10 ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Hà Nội truy tố:

Bị cáo **Nguyễn Đình V** bị Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Hà Nội truy tố về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Lê Văn T1** bị Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Hà Nội truy tố về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Nguyễn Minh P** bị Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Hà Nội truy tố về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; theo điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Nguyễn Thị Lan A** bị Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Hà Nội truy tố về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo **Nguyễn Thị L1** bị Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 10 - Hà Nội truy tố về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

1. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Đình V** từ **10** năm đến **10** năm **06** tháng tù. Tổng hợp hình phạt **03** năm **03** tháng tù của bản án số 65/2026/HSST ngày 16/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 10 – Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **13** năm **03** tháng đến **13** năm **09** tháng

2. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Lê Văn T1** từ **09** năm đến **09** năm **06** tháng tù.

3. Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Minh P** từ **11 năm** đến **11** năm **06** tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; **03** năm đến **03** năm **06** tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ **14** năm đến **15** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

4. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Thị Lan A** từ 07 năm **06** tháng đến **08** năm tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; **03** năm đến **03** năm **06** tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ **10** năm **06** tháng đến **11** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

5. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Thị L1** từ **07** năm đến **07** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2025.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy:

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V4, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký đối tượng - Nguyễn Đình V, Nguyễn Thị L1.

- 01 hộp niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký của đối tượng - Lê Văn T1.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 – N, chữ ký đối tượng – Nguyễn Thị Lan A.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V4, chữ ký của cán bộ công an xã H - N, chữ ký đôi tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P.

- 01 bọc niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ điều tra - M, chữ ký đối tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P1

- 02 bật lửa màu đỏ.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, Số sê - ri: HNYWG6Q00C, số IMEI 1: 350813228413128, Số IMEI 2:350813229269875, bên trong chứa sim điện thoại số 0325.303.325 thu giữ của Nguyễn Minh P. 01 (Một) điện thoại di động nhãn

hiệu SAMSUNG màu đen đã qua sử dụng, Số sê-ri R93 WAOOPQAD, Số IMEI 1: 354035903207221, Số IMEI 2: 354978663207222, bên trong chứa sim điện thoại số 0972066412 thu giữ của Nguyễn Thị L1 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, Số sê-ri: RF9R500510B, Số IMEI: 351142481836521 bên trong chứa sim điện thoại số 0365968263 thu giữ của Nguyễn Thị Lan A;

+ Trả lại Nguyễn Đình V 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen đã qua sử dụng, Số IMEI 1: 331402871263144, Số IMEI 2:351402871263151, bên trong chứa 02 (Hai) sim điện thoại số 0378.121.623 và 0866911020 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861084061209773, số IMEI 2: 861084061209781, bên trong chứa sim điện thoại số 0968051981.

+ Trả lại Nguyễn Minh P 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím đã qua sử dụng, số sê - ri: DNPZQ25AN72N, số IMEI 1: 353974109979046, số IMEI 2: 353974109577402, bên trong không chứa sim điện thoại và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen đã qua sử dụng, số sê - ri: F17WWDU8JCLF, số IMEI: 354850094318425, bên trong chứa sim điện thoại số 0375387370.

+Trả lại Nguyễn Thị L1 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc đã qua sử dụng, số sê-ri F2LRMA6GGRWV, số IMEI 355732073185836, bên trong chứa sim điện thoại số 0929984385.

+ Trả lại Lê Văn T1 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen bạc đã qua sử dụng, Số sê-ri: V1XVM4TVYK, Số IMEI: 35827538691638 bên trong chứa sim điện thoại số 0813380666.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] ***Về tội danh***: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ diễn biến sự việc như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định của Phòng K2 Công an thành phố H, kết quả xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu, dữ liệu điện tử, lời khai của những người có liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 18 giờ ngày 16/10/2025 Nguyễn Minh P đi mua 500.000 đồng ma túy Methamphetamine của một người không quen biết sau đó rủ Nguyễn Thị Lan A đến một nhà nghỉ ở xã P, Hà Nội sử dụng, Lan A đồng ý và mang theo cóng thủy tinh đến cùng P thay nhau châm lửa hơ cóng sử dụng ma túy. Số ma túy còn lại chưa sử dụng hết được giám định là Methamphetamine có khối lượng 0,212 gam, P bảo Lan A cất đi để sử dụng sau thì Lan A cất dấu trong ốp điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Lan A.

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 16/10/2025 tại nhà ở của Lê Văn T1, sinh năm 1981 ở thôn P xã H, thành phố Hà Nội, Lê Văn T1 đã chuẩn bị ma túy Methamphetamine và công cụ để sử dụng ma túy, dùng máy lửa hơ vào cóng có chứa ma túy đá hút qua ống hút một hơi, rồi T1 hơ cho Nguyễn Thị Hồng T7 sử dụng 5-6 hơi rồi sau đó T7 đi dọn nhà cửa còn Tuyến dọn đồ chơi ma túy. Đến khoảng 20 giờ ngày 16/10/2025 thì Nguyễn Đình V đến nhà Lê Văn T1 để tắm giặt, sau khi tắm xong thì Nguyễn Đình V ra phòng khách uống nước, tại đây Vụ lấy bình sử dụng ma túy của Lê Văn T1 ra Vụ và T1 mỗi người hút được khoảng 01- 02 hơi sau đó Vụ đi về.

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/10/2025, Nguyễn Đình V rủ Nguyễn Minh P đến nhà Lê Văn T1 ở thôn P, xã H chơi. Khi đến nhà T1, V gọi điện cho Nguyễn Thị L1 (bạn gái Vụ) đến nhà T1 để chơi. Tại đây Phương châm lửa hơ nóng cóng có chứa ma túy đá cho Vụ, L1, T7, T1, P sử dụng.

Sau khi sử dụng ma túy tại nhà T1 xong, Nguyễn Đình V rủ P, L1 ra nhà nghỉ H3 ơ thôn M, xã H, Hà Nội để tiếp tục sử dụng ma túy. Nguyễn Thị L1 nhắn tin rủ Nguyễn Lan A (là bạn gái Nguyễn Minh P) đến nhà nghỉ H3 để cùng nhóm L1 sử dụng ma túy, Lan A đồng ý. Sau đó P gửi vị trí và chuyển tiền cho Lan A đến nhà nghỉ H3. Khoảng 03 giờ ngày 17/10/2025 Nguyễn Đình V, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Minh P thuê phòng 201 cho V và L1 ở và thuê phòng 203 P và Lan A ở. Sau đó, V và L1 vào phòng 201 còn P vào phòng 203. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 17/10/2025, Nguyễn Thị Lan A đến Phòng 203 thì P đưa cho Lan A 01 vỏ bao thuốc lá ba số bên trong có ma tuý Methamphetamine. Lan A cầm bao thuốc lá có đựng ma túy P đưa sang phòng 201 sử dụng cùng V và L1, Tại Phòng 201 thì Vụ chế dụng cụ sử dụng ma tuý đá còn L1 nghiền ma tuý hồng phiến đổ cùng ma tuý đá lên một mẩu giấy bạc; L1 dùng bật lửa hơ nóng phía dưới đáy giấy bạc cho ma túy bay hơi rồi dùng ống hút một đầu kê sát giấy bạc, một đầu ngậm vào miệng để hút ma túy; V dùng bật lửa hơ nóng ma túy để cùng Lan A và L1

sử dụng ma túy. Sau khi Lan A, V, L1 sử dụng ma túy ở phòng 201 xong thì số ma túy còn lại Lan A mang về phòng 203 để trên mặt bàn phòng nghỉ để cùng P sử dụng thì bị Tổ công tác Công an H5, thành phố Hà Nội tiến hành kiểm tra phát hiện tại Phòng 201 có Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị L1, thu giữ trên mặt bàn: 01 mảnh giấy bạc có kích thước khoảng 15x2cm dính cặn cháy màu đen, 01 ống hút màu hồng dài khoảng 12cm và 02 bật lửa màu đỏ, 01 điện thoại nhãn hiếu Masstel và 01 điện thoại Xiaomi của Nguyễn Đình V; 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị L1. Kết luận giám định 01 mảnh giấy bạc và 01 ống hút bằng nhựa màu hồng đều có dính ma tuý loại Methamphetamine. Kiểm tra Phòng 203 có Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Minh P, thu giữ 01 bộ tẩu hút tự tạo, 01 túi nilon kích thước khoảng 2x3cm chứa 01 viên nén màu hồng, 01 ống hút nhựa màu tím dài khoảng 6,5cm chứa 02 viên nén màu hồng cùng tinh thể màu trắng. Ngoài ra còn thu 01 gói nilon màu trắng chứa tinh thể màu trắng trong vỏ ốp điện thoại của Nguyễn Thị Lan A, 01 cóng thuỷ tinh trong túi xách của Nguyễn Thị Lan A, 01 điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị Lan A, 03 điện thoại Iphone của Nguyễn Minh P. Giám định 01 viên nén màu hồng bên trong 01 túi nilon màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,098 gam. 02 viên nén màu hồng đều là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,232 gam và Tinh thể màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine, khối lượng: 0,383 gam.(thu trong ống hút). Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon màu trắng là ma tuý loại Methamphetamine thu trong ốp điện thoại Sam Sung của Nguyễn Thị Lan A có khối lượng 0,212 gam (đây là số ma túy của Nguyễn Minh P và Nguyễn Thị Lan A tàng trữ cất giấu từ nhà nghỉ ở xã P ngày 16/10/2025). 01 cóng thuỷ tinh và 01 bộ tẩu hút tự tạo đều có dính ma tuý loại Methamphetamine.

Như vậy, ngày 16/10/2025 và rạng sáng ngày 17/10/2025, tại nhà của bị cáo Lê Văn T1 và tại Nhà nghỉ H3, các bị cáo Nguyễn Đình V, Lê Văn T1, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Thị L1 đã nhiều lần cùng nhau thực hiện các hành vi chuẩn bị địa điểm, chuẩn bị ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy, rủ rê, tập hợp người sử dụng, trực tiếp pha chế, đốt, hơ ma túy để nhiều người cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân Nguyễn Đình V và Nguyễn Minh P đều có 01 tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh P, ngoài hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, còn có hành vi mua, quản lý, cất giữ trái phép Methamphetamine trong người và giao cho Nguyễn Thị Lan A cất giữ; số ma túy còn lại bị thu giữ tại phòng 203 Nhà nghỉ H3 theo kết luận giám định có tổng khối lượng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Lan A, ngoài việc tích cực tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, còn trực tiếp quản lý, cất giấu số ma túy

Methamphetamine trong ốp điện thoại và tại phòng nghỉ, đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Đình V về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn T1 theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh P theo điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị Lan A theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thị L1 theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng: Tệ nạn ma túy là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, trật tự, an toàn xã hội và sự phát triển lành mạnh của cộng đồng. Các bị cáo nhận thức rõ việc sử dụng, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo đã nhiều lần tổ chức cho nhiều người cùng sử dụng ma túy tại nhiều địa điểm khác nhau, có sự chuẩn bị về địa điểm, dụng cụ, ma túy và phân công thực hiện các hành vi cụ thể. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ từ trước mà cùng thực hiện hành vi phạm tội khi phát sinh việc sử dụng ma túy.

Bị cáo Nguyễn Minh P là người trực tiếp mua ma túy, chuẩn bị ma túy, rủ Nguyễn Thị Lan A sử dụng, mang ma túy đến Nhà nghỉ H3 để tiếp tục sử dụng và cùng những người khác tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vì vậy, bị cáo giữ vai trò tích cực trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Đình V là người nhiều lần rủ rê các đối tượng tham gia sử dụng ma túy, gọi Nguyễn Thị L1 đến nhà bị cáo T1, tiếp tục rủ các đối tượng đến Nhà nghỉ H3, trực tiếp chuẩn bị dụng cụ và tham gia thực hiện việc sử dụng ma túy. Bị cáo có vai trò tích cực.

Bị cáo Lê Văn T1 là người sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm tổ chức sử dụng ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng và trực tiếp cùng những người khác sử dụng ma túy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Thị Lan A biết rõ số ma túy là chất cấm nhưng vẫn mang theo dụng cụ sử dụng, trực tiếp cất giữ ma túy, mang ma túy giữa các phòng nghỉ để nhiều người cùng sử dụng và tham gia tích cực vào việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Nguyễn Thị L1 tuy không phải là người chuẩn bị ma túy nhưng đã chủ động rủ Nguyễn Thị Lan A đến tham gia, trực tiếp nghiền ma túy, chuẩn bị việc sử dụng và hơ ma túy cho nhiều người sử dụng, góp phần tích cực vào việc thực hiện tội phạm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Lê Văn T1 năm 1983 được Sở giáo dục tỉnh H (nay là thành phố Hà Nội) tặng giấy khen nên cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Đình V 08 lần bị kết án, trong đó có 02 lần bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy, 01 lần bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo có 02 tình tiết định khung tăng nặng và ngày 16/3/2026 bị cáo bị Tòa án nhân dân Khu Vực 10 – Hà Nội xử phạt 39 (ba mươi chín) tháng tù (bằng 3 năm 03 tháng tù) về tội mua bán trái phép chất ma túy nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Bị cáo Lê Văn T1 có 02 lần bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nay lại tiếp tục phạm tội về ma túy; bị cáo Nguyễn Minh P có 01 lần bị kết án về tội cưỡng đoạt tài sản và 01 lần bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy nay lại phạm tội hai tội về ma túy và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên cũng phải chịu hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Thị Lan A và Nguyễn Thị L1 nhân thân chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội do bị rủ rê nên được hưởng mức hình phạt thấp hơn so với các bị cáo khác trong cùng vụ án.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với từng bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ

nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hành vi của những người khác có liên quan đến vụ án:

Đối với Nguyễn Thị Hồng T7, tài liệu điều tra thể hiện T7 chỉ là người sử dụng trái phép chất ma túy, không tham gia chuẩn bị ma túy, không chuẩn bị địa điểm, không rủ rê người khác, không có hành vi giúp sức cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với ông Bùi Văn H2 là chủ Nhà nghỉ H3, không biết việc các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng nghỉ nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với người đàn ông tên "Nguyên Mèo" bị cáo Nguyễn Minh P khai là người bán ma túy, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

[9]. ***Về xử lý vật chứng***:

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký đối tượng - Nguyễn Đình V, Nguyễn Thị L1.

- 01 hộp niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký của đối tượng - Lê Văn T1.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H - N, chữ ký đôi tượng – Nguyễn Thị Lan A.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H - N, chữ ký đối tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P.

- 01 bọc niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ điều tra - M, chữ ký đối tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P1

- 02 bật lửa màu đỏ.

Là chất ma túy và dụng cụ các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, Số sê - ri: HNYWG6Q00C, số IMEI 1: 350813228413128, Số IMEI 2:350813229269875, bên trong chứa sim điện thoại số 0325.303.325 thu giữ của Nguyễn Minh P. 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen đã qua sử dụng, Số sê-ri R93 WAOOPQAD, Số IMEI 1: 354035903207221, Số IMEI 2: 354978663207222, bên trong chứa sim điện thoại số 0972066412 thu giữ của

Nguyễn Thị L1 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, Số sê-ri: RF9R500510B, Số IMEI: 351142481836521 bên trong chứa sim điện thoại số 0365968263 thu giữ của Nguyễn Thị Lan A, là phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen đã qua sử dụng, Số IMEI 1: 331402871263144, Số IMEI 2:351402871263151, bên trong chứa 02 (Hai) sim điện thoại số 0378.121.623 và 0866911020 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861084061209773, số IMEI 2: 861084061209781, bên trong chứa sim điện thoại số 0968051981 thu giữ của Nguyễn Đình V; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím đã qua sử dụng, số sê - ri: DNPZQ25AN72N, số IMEI 1: 353974109979046, số IMEI 2: 353974109577402, bên trong không chứa sim điện thoại và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen đã qua sử dụng, số sê - ri: F17WWDU8JCLF, số IMEI: 354850094318425, bên trong chứa sim điện thoại số 0375387370, thu giữ của Nguyễn Minh P; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc đã qua sử dụng, số sê-ri F2LRMA6GGRWV, số IMEI 355732073185836, bên trong chứa sim điện thoại số 0929984385, thu giữ của Nguyễn Thị L1 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen bạc đã qua sử dụng, Số sê-ri: V1XVM4TVYK, Số IMEI: 35827538691638 bên trong chứa sim điện thoại số 0813380666 thu giữ của Lê Văn T1. Là phương tiện để các bị cáo liên lạc cá nhân, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[7] ***Về án phí***: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình V**, **Lê Văn T1**, **Nguyễn Thị L1** phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Bị cáo **Nguyễn Minh P** và **Nguyễn Thị Lan A** phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" và tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

+ Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Đình V 09 (chín)** năm **09 (chín)** tháng tù. Tổng hợp hình phạt **03 (ba)** năm **03** (**ba**) tháng tù tại bản án số 65/2026/HSST ngày 16/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu Vực 10 – Hà Nội. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **13** (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Lê Văn T1 09 (chín)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

+ Áp dụng điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Minh P 10 (mười)** năm **06** (**sáu**) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; **03 (ba)** năm **06** (**sáu**) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **14 (mười bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Thị Lan A 07 (bảy)** năm **06** (**sáu**) tháng tù về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; **03 (ba)** năm tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội **10** (**mười**) năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/10/2025.

+ Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt: **Nguyễn Thị L1 07 (bảy)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2025.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu xám đã qua sử dụng, Số sê - ri: HNYWG6Q00C, số IMEI 1: 350813228413128, Số IMEI 2:350813229269875, bên trong chứa sim điện thoại số 0325.303.325 thu giữ của Nguyễn Minh P.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen đã qua sử dụng, Số sê-ri R93 WAOOPQAD, Số IMEI 1: 354035903207221, Số IMEI 2: 354978663207222, bên trong chứa sim điện thoại số 0972066412 thu giữ của Nguyễn Thị L1;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, Số sê-ri: RF9R500510B, Số IMEI: 351142481836521 bên trong chứa sim điện thoại số 0365968263 thu giữ của Nguyễn Thị Lan A.

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký đối tượng - Nguyễn Đình V, Nguyễn Thị L1.

- 01 hộp niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H5 - N, chữ ký của đối tượng - Lê Văn T1.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên – Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ công an xã H - N, chữ ký đối tượng – Nguyễn Thị Lan A.

- 01 bao niêm phong dán kín có chữ ký của giảm định viên - Trần Huy V4, chữ ký của cán bộ công an xã H - N, chữ ký đôi tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P.

- 01 bọc niêm phong dán kín có chữ ký của giám định viên - Trần Huy V5, chữ ký của cán bộ điều tra - M, chữ ký đối tượng - Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Minh P1

- 02 bật lửa màu đỏ.

+ Trả lại Nguyễn Đình V **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL màu đen** đã qua sử dụng, Số IMEI 1: 331402871263144, Số IMEI 2:351402871263151, bên trong chứa 02 (Hai) sim điện thoại số 0378.121.623 và 0866911020 và **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI màu xám** đã qua sử dụng, số IMEI 1: 861084061209773, số IMEI 2: 861084061209781, bên trong chứa sim điện thoại số 0968051981.

+ Trả lại Nguyễn Minh P **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu tím** đã qua sử dụng, số sê - ri: DNPZQ25AN72N, số IMEI 1: 353974109979046, số IMEI 2: 353974109577402, bên trong không chứa sim điện thoại và **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE** màu đen đã qua sử dụng, số sê - ri: F17WWDU8JCLF, số IMEI: 354850094318425, bên trong chứa sim điện thoại số 0375387370.

+Trả lại Nguyễn Thị L1 **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu bạc** đã qua sử dụng, số sê-ri F2LRMA6GGRWV, số IMEI 355732073185836, bên trong chứa sim điện thoại số 0929984385.

+ Trả lại Lê Văn T1 **01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen bạc** đã qua sử dụng, Số sê-ri: V1XVM4TVYK, Số IMEI: 35827538691638 bên trong chứa sim điện thoại số 0813380666.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 168/GN/2026/KV10 ngày 26/06/2026 giữa Cơ quan sát điều tra Công an thành phố H và phòng Thi hành án Khu vực 10 - Hà Nội.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14;

Bị cáo Nguyễn Đình V, Lê Văn T1, Nguyễn Minh P, Nguyễn Thị Lan A, Nguyễn Thị L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thuỷ

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- CA TP Hà Nội;
-, VKSND Khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng THA Khu vực 10 – Hà Nội;
- Bị cáo, bị hạ;
- UBND các xã Tây Phương,,Kiều Phú, Tùng Thiện Thạch Thất -Hà Nội;
- UBND phường Bạch Mai - Hà Nội;
- Lưu HS, VP.